

Bản án số: 542/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Chấn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Đình Tuấn - Thư ký TAND huyện L.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 385/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2022 ngày 16/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988; HKTT: Số nhà 3, ngách xx đường T, thị trấn Y, L, Hà Nội. Nơi đăng ký tạm trú: Số 234/77 Hải Thượng O, phường V, thành phố H, tỉnh H. Nghề nghiệp: Giáo viên mầm non trường mầm non Vườn Mặt Trời, TP H. “*Có mặt*”.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1983; HKTT và nơi cư trú: Số nhà 3, ngách xx đường T, thị trấn Y, L, Hà Nội. “*Vắng mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 30/8/2022, các lời khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Tôi và anh D có tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện L, TP Hà Nội ngày 02/02/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về sinh sống cùng gia đình nhà anh D tại số nhà 3, ngách xx đường T, thị trấn Y, huyện L, TP Hà Nội, hạnh phúc khoảng 5 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh D ham mê cờ bạc, chơi bời nợ nần, từ năm 2012 đến lúc tôi và anh D ly thân thì mỗi năm anh D báo nợ về gia đình vài lần và tôi cũng phải đi trả nợ hộ anh D, trả nợ bao nhiêu tiền, tôi không ghi nên không biết con số. Đến khoảng tháng 6/2019 thì tôi và anh D có chuyển vào trong

thành phố H để sinh sống và làm việc. Trong thời gian sinh sống trong H, tôi phát hiện anh D còn có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác và năm 2020 tôi đã chụp được từ điện thoại của anh D nhắn tin tình cảm với người phụ nữ này. Từ những mâu thuẫn đó nên vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra cãi vã. Tôi cũng đã bỏ qua những lỗi lầm của anh D vì con còn nhỏ không muốn con thiếu tình thương của bố hoặc của mẹ nhưng anh D vẫn chứng nào tật đấy, có lần cãi nhau anh D còn cầm dao đuổi đánh tôi. Đến tháng 01/2022 do anh D đánh, chửi, đuổi tôi đi nên mâu thuẫn vợ chồng tôi xảy ra trầm trọng vợ chồng tôi ly thân từ đó cho đến nay và không qua lại với nhau nữa. Đến tháng 8/2022 thì anh D chuyển về sinh sống cùng bố mẹ anh D tại số nhà 3, ngách xx đường T, thị trấn Y, huyện L, TP Hà Nội. Từ khi ly thân hai bên gia đình chúng tôi đều biết việc, bố mẹ tôi cũng có khuyên giải để vợ chồng tôi về đoàn tụ, còn mẹ anh D có lần gọi điện xúc phạm tôi. Do tôi đã trưởng thành nên bố mẹ tôi cũng để tôi tự quyết định cuộc sống hôn nhân của mình. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Tôi và anh D có 01 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 02/7/2010. Hiện nay, cháu H đang ở cùng anh D, trong trường hợp tôi và anh D ly hôn, cháu H muốn ở với anh D, tôi nhất trí. Anh D không có ý kiến nên về cấp dưỡng tôi không có ý kiến gì, tôi sẽ có trách nhiệm với con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến D không hợp tác, không đến Tòa án, đến nay không có lời khai tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện L đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 385/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022; Thông báo lời khai đương sự số 385/TB-TA ngày 25/10/2022; Các giấy triệu tập đến Tòa án để làm việc, tuy nhiên anh Nguyễn Tiến D không đến Tòa án để làm việc, không có quan điểm ý kiến tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện L thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không hợp tác, nhiều lần không đến Tòa án. Chị P và anh D có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2010 tại UBND thị trấn Y, huyện L, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 01/2022 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Xét chị P và anh D không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2022, chị P và anh D đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo các Điều 19 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cho chị P được ly hôn với anh D là có căn cứ. Về con chung: Chị P và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn H, sinh ngày 02/7/2010. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng anh D, cháu có nguyện vọng ở với anh D, chị P cũng đồng ý, nên xét giao cháu H cho anh D tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đảm bảo quyền lợi cho cháu H theo Điều 81

của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không có quan điểm, chị P không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị P không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án lệ phí Tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhận định về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị P có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về thẩm quyền cấp Tòa án, Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại số nhà 3, ngách xx đường T, thị trấn Y, huyện L, TP Hà Nội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện L thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp Tòa án.

[2]. Nhận định về việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tiến D: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay anh D vắng mặt là lần thứ 2 không có lý do chính đáng mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt anh D là có căn cứ.

[3]. Nhận định về tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Tiến D đăng ký kết hôn ngày 02/02/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện L, thành phố Hà Nội, có xuất trình trích lục kết hôn bản sao, đủ cơ sở kết luận đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Tại quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa chị P trình bày vợ chồng kết hôn năm 2010, đến 2015 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D vướng tệ nạn xã hội, đến đầu tháng 1/2022 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Lời khai của chị P phù hợp với thông tin địa P cung cấp là không còn thấy chị P sống tại nhà anh D từ khi chính quyền địa P phối hợp với Tòa án đến tổng đạt văn bản. Nên đủ cơ sở kết luận chị P và anh D không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2022 đến nay. Xét chị P và anh D không còn chung sống với nhau, đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau:

“1. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác ...”

Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị P được ly hôn với anh D là

phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên yêu cầu xin ly hôn của chị P có căn cứ để được chấp nhận.

[4]. Nhận định về con chung vợ chồng: Chị P và anh D có 01 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 02/7/2010. Hiện cháu H đang sinh sống cùng anh D, cháu có nguyện vọng được ở với anh D sau khi cha mẹ ly hôn, chị P cũng nhất trí, nên sau khi ly hôn, tiếp tục giao cháu H cho anh D nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho cháu H theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D đến nay không có yêu cầu, không có quan điểm, chị P không yêu cầu, HĐXX không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

[5]. Nhận định về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị P không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Nhận định về án phí ly hôn sơ thẩm: Yêu cầu xin ly hôn của P được chấp nhận, chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 271, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P đối với anh Nguyễn Tiến D. Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Tiến D có 01 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 02/7/2010. Khi ly hôn, giao cháu Nguyễn H cho anh Nguyễn Tiến D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của chị P cho anh D cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Chị Nguyễn Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị P không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0073503 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, nay chuyển thành án phí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Nguyễn Thị P có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Tiến D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. L;
- Chi cục THADS h. L;
- TANDTP. Hà Nội;
- VKSNDTP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;
- UBND TT Y, huyện L, thành phố Hà Nội (ĐKKH số 20 ngày 02/02/2010).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thiên Hương